

Thực trạng phân chia con cái và nhà ở sau ly hôn hiện nay

(Nghiên cứu trường hợp Đồng bằng sông Hồng)

Trần Thị Minh Thi
Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới

Tóm tắt: Từ nguồn số liệu thống kê hôn nhân gia đình hàng năm của Tòa án Nhân dân tối cao, hồ sơ ly hôn từ 2000-2009 ở một quận của Hà Nội và một huyện ở Hà Nam và kết quả nghiên cứu trường hợp những cặp ly hôn ở Hà Nam, bài viết phân tích thực trạng phân chia con cái chưa trưởng thành, phân chia nhà ở và mối quan hệ cha mẹ - con cái sau ly hôn. Trên cơ sở đó, đưa ra một số gợi ý chính sách nhằm bảo đảm quyền và phúc lợi của cá nhân, nhất là phụ nữ, sau ly hôn. Kết quả phân tích cho thấy sau khi ly hôn trẻ em sống với mẹ là xu hướng phổ biến. Phụ nữ nông thôn giành quyền nuôi con thấp hơn phụ nữ đô thị nhưng nhận được sự chia sẻ trong việc nuôi con nhiều hơn; trong khi nam giới ở đô thị có ít trách nhiệm hơn nên việc chăm sóc trẻ em trở thành gánh nặng của những người vợ ly hôn ở đô thị. Việc phân chia nhà ở có sự khác biệt giữa nông thôn và đô thị. Người chồng ở khu vực nông thôn chủ động và chiếm ưu thế hơn trong xác định quyền sở hữu nhà ở sau hôn nhân vì thế phụ nữ nông thôn, phụ nữ nghèo, phụ nữ không nuôi con sau ly hôn gặp nhiều thiệt thòi hơn về phân chia tài sản.

Từ khóa: Hôn nhân - Gia đình; Ly hôn; Phụ nữ; Phân chia con cái; Phân chia nhà ở; Hậu quả ly hôn.

1. Giới thiệu

Hậu quả của ly hôn tới cuộc sống tương lai của người phụ nữ đã được nghiên cứu cách đây rất lâu. Những nghiên cứu ban đầu đã chỉ ra nỗi đau

khổ về mặt tinh thần cho người phụ nữ, thường có liên quan tới những áp lực mà người phụ nữ phải trải qua. Ly hôn liên quan tới rất nhiều điều kiện tâm lý, và có lẽ thực sự là một trong những việc buồn nhất mà cá nhân phải trải qua trong cuộc đời.

Kết thúc một cuộc hôn nhân đã cắt ngang hầu hết các mối quan hệ trong cuộc sống người phụ nữ. Sẽ có những thay đổi trong hỗ trợ hay quan hệ xã hội, tài chính, chăm sóc con, việc nhà, nhu cầu công việc, cư trú, và hầu hết là liên quan đến khả năng hòa nhập với cuộc sống. Các nghiên cứu đều tập trung vào mạng lưới cá nhân và cụ thể là các mạng lưới hỗ trợ (Amato, 2001; Fox and Kelly, 1995). Kết quả từ những nghiên cứu này cho thấy ly hôn có tác động tiêu cực tới các mạng lưới hỗ trợ, bởi hầu như những mối liên lạc với họ hàng và bạn bè chung của hai người đều mất đi. Những mối quan hệ còn lại với bạn bè và họ hàng của người phụ nữ vì thế mà sâu sắc hơn (Duncan and Hofman, 1985; Fox and Kelly, 1995).

Có rất nhiều lí do giải thích vì sao ly hôn có những hậu quả lâu dài tới chất lượng cuộc sống của người phụ nữ. Trước hết, ly hôn thường khiến mức sống của người phụ nữ suy giảm đáng kể khi họ phải nuôi con, và thường phải sống dưới mức nghèo khổ (Duncan and Hoffman, 1985). Gia đình và công việc sẽ mang cho họ những nguồn hỗ trợ xã hội riêng biệt cũng như sự tự lập đều khiến tâm lý tinh thần họ tốt hơn. Khi người ta ly hôn, họ thường bị mất đi các khoản hỗ trợ xã hội trước đó từ người chồng/người vợ cũ. Thứ hai, những nghiên cứu về cấu trúc gia đình cho rằng sau ly hôn, người phụ nữ sẽ phải đối mặt với việc sống cùng con cái. Hoàn cảnh gia đình mới, như trách nhiệm với con cái và công việc gia đình là những yếu tố quyết định ảnh hưởng công việc và sự hòa nhập xã hội (Rosenfield, 1989). Sau ly hôn, các cá nhân thường phải chịu áp lực lớn, điều đó có thể làm tăng nguy cơ dẫn đến những hậu quả về cảm xúc, cách ứng xử và sức khỏe cho cả người lớn và con trẻ. Cách suy nghĩ này rõ ràng muốn nhấn mạnh tới những hệ quả khách quan, có thể tích cực, có thể tiêu cực, hoặc cả hai tới mỗi cá nhân. Với hầu hết mọi người, kết thúc một cuộc hôn nhân là một trải nghiệm đầy áp lực, ngay cả nếu những áp lực ấy đã đến trước khi ra tòa, hay chỉ là tạm thời, hay được theo sau bởi một số tác động tích cực đi chăng nữa.

Một trong những quyết định khó khăn nhất khi ly hôn là việc nuôi con. Những sự gắn kết tình cảm, sự công bằng, và gánh nặng kinh tế giữa cha mẹ và con cái đều được đưa vào xem xét khi quyết định ai sẽ nuôi con. Ở cả phương Tây và phương Đông, người mẹ thường là người nuôi con sau ly hôn. Từ cách nhìn của khoa học xã hội, việc sắp xếp nuôi con rất quan trọng vì nó sẽ phản ánh được khả năng, nguồn lực của cha mẹ cũng như ai được yêu quý hơn. Nhìn từ phía chính sách công, cần phải tìm được người sẽ chịu trách nhiệm trước luật pháp cho đứa trẻ và Tòa án sẽ chỉ quan tâm tới những hậu quả mà cuộc ly hôn này sẽ gây ra cho trẻ nhỏ. Việc đứa trẻ sẽ sống cùng ai hết sức quan trọng bởi đó sẽ là người chăm

sóc và mang lại sợi dây tình cảm thường ngày như trước đây để trẻ có thể phát triển bình thường và được hỗ trợ kinh tế (Fox and Kelly, 1995; Trần Thị Minh Thi, 2014).

Kết thúc hôn nhân không đơn giản chỉ là sự thay đổi tình trạng hôn nhân mà quan trọng hơn là sự thay đổi trong hộ khẩu và nơi ở. Ly hôn không chỉ dẫn đến những thay đổi về tâm lý như căng thẳng, lo âu, trầm cảm do thiếu thốn và thay đổi trong thói quen và vai trò mà còn thay đổi trong tổ chức cuộc sống như nơi ở, thành viên trong gia đình. Việc cá nhân sống ở một nơi khác chính là chỉ báo quan trọng của hôn nhân tan vỡ. Ai đi, ai ở trong ngôi nhà cũ, ai chăm sóc con cái sau ly hôn là hai quyết định quan trọng và có ảnh hưởng lớn nhất đến đời sống và phúc lợi của người ly hôn. Vì thế, việc xem xét bố trí nhà ở sau khi ly hôn cũng có ý nghĩa vì nó là một yếu tố quyết định hệ quả kinh tế của người ly hôn.

Sử dụng từ nguồn số liệu có sẵn, bao gồm thống kê hôn nhân gia đình hàng năm của Tòa án Nhân dân tối cao, và đặc biệt là hồ sơ ly hôn của những người ly hôn từ 2000-2009 của hai quận huyện đồng bằng sông Hồng (tổng cộng 2033 trường hợp, trong đó, có 499 cặp ly hôn ở một huyện nông thôn tỉnh Hà Nam, và 1534 cặp ly hôn của một quận nội thành Hà Nội) và kết quả nghiên cứu trường hợp những cặp ly hôn, bài viết phân tích thực trạng phân chia con cái chưa trưởng thành, phân chia tài sản và mối quan hệ cha mẹ - con cái sau ly hôn. Trên cơ sở đó, bài viết đưa ra một số gợi ý chính sách nhằm bảo đảm quyền và phúc lợi của cá nhân, nhất là phụ nữ, sau ly hôn.

Hai phương pháp phân tích dữ liệu định lượng được sử dụng là mô tả và hồi quy đa biến. Ở mô hình hồi quy đa biến, biến phụ thuộc là: khả năng phân chia con cái ở cùng ai sau ly hôn, con cái sống với ai sau khi ly hôn và phân chia nhà ở sau ly hôn. Các biến số độc lập và các yếu tố xã hội dùng để giải thích được lựa chọn dựa vào tính sẵn có của dữ liệu, và chịu ảnh hưởng bởi những quan điểm trước đó về các yếu tố quyết định tới việc ly hôn trên thế giới cũng như các đặc điểm văn hóa, xã hội của Việt Nam.

2. Phân chia con cái sau ly hôn

Xác định các thỏa thuận quyền nuôi con và hỗ trợ vật chất cho trẻ em là một trong những quyết định khó khăn nhất phải được thực hiện trong quá trình kết thúc hôn nhân. Trong phân xử các vụ án ly hôn, các tòa án thường áp dụng tiêu chuẩn “những gì là lợi ích tốt nhất của trẻ em” - một trong các điều khoản của Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em năm 1989. Điều cốt yếu của tiêu chuẩn này là trong tất cả các hành động liên quan đến trẻ em, cho dù thực hiện bởi các tổ chức phúc lợi xã hội công hay tư, các tòa án, cơ quan hành chính hoặc cơ quan lập pháp, thì các lợi ích tốt nhất của trẻ em phải là một điểm cốt yếu để xem xét (Bordow, 1994).

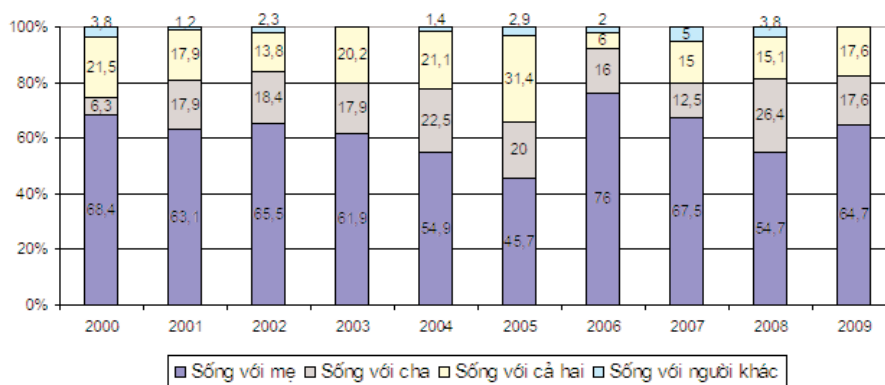
Theo Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam, sau khi ly hôn, cặp vợ

chồng có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục và nuôi dạy trẻ em (dưới 18 tuổi) và con đã thành niên bị tàn tật. Các nguyên tắc chung được áp dụng là làm những gì là tốt nhất cho trẻ em. Các bà mẹ được quyền nuôi con dưới ba tuổi, nếu các cặp vợ chồng không có lựa chọn khác. Nếu trẻ em trên chín tuổi, sự sắp xếp sẽ được xác định dựa trên ý muốn của trẻ. Trong thực tế, việc bố trí con được dựa trên nguyên tắc lợi ích tốt nhất. Các thẩm phán thường cân nhắc yếu tố kinh tế, đạo đức, tình cảm và tình trạng của cha mẹ trước khi phân quyền nuôi con. Vợ hoặc chồng người không trực tiếp nuôi con có trách nhiệm cung cấp hỗ trợ. Nói chung, các cặp vợ chồng có thể đàm phán để đạt được một thỏa thuận về quyền nuôi con trước tòa. Trong trường hợp xung đột, thẩm phán sẽ ra quyết định cuối cùng.

Phân tích các hồ sơ ly hôn của Tòa án nhân dân một quận ở Hà Nội và một huyện ở Hà Nam giai đoạn 2000-2009 cho thấy, trong số tất cả các cặp vợ chồng ly hôn, trẻ em được quyết định sống với mẹ sau khi ly hôn là xu hướng phổ biến, chiếm 62,3% các trường hợp. Chia sẻ quyền nuôi con chiếm 18,7%, khi các cặp vợ chồng có ít nhất hai con. Người cha nhận được quyền nuôi con chiếm 16,5% các vụ ly hôn. Các trường hợp trẻ em sống với người khác rất ít ở Việt Nam, chỉ chiếm 2,4% tất cả các cuộc ly dị. Những phát hiện này phù hợp với các kết quả nghiên cứu trước đó của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan khác (2008), cho thấy sau khi ly hôn, trẻ em thường sống với mẹ (64,3%). Tỷ lệ trẻ em sống với mẹ sau khi ly hôn ở các hộ gia đình đô thị cao hơn so với các hộ gia đình nông thôn, trong khi đó tỷ lệ chia sẻ quyền nuôi con khi các cặp vợ chồng có ít nhất hai con ở nông thôn cao hơn ở đô thị. Tỷ lệ trẻ em sống với mẹ sau khi ly hôn ở các hộ nghèo cao (68,6%) so với trẻ em sống với bà mẹ trong các gia đình khá (57,8%).

Số liệu Biểu đồ 1 cho thấy, trong khoảng thời gian mười năm 2000-2009, con sống với mẹ là xu hướng chủ đạo trong các cặp vợ chồng ly dị. Từ 2000-2005, tỷ lệ trẻ em sống với bà mẹ sau khi ly hôn giảm nhẹ từ

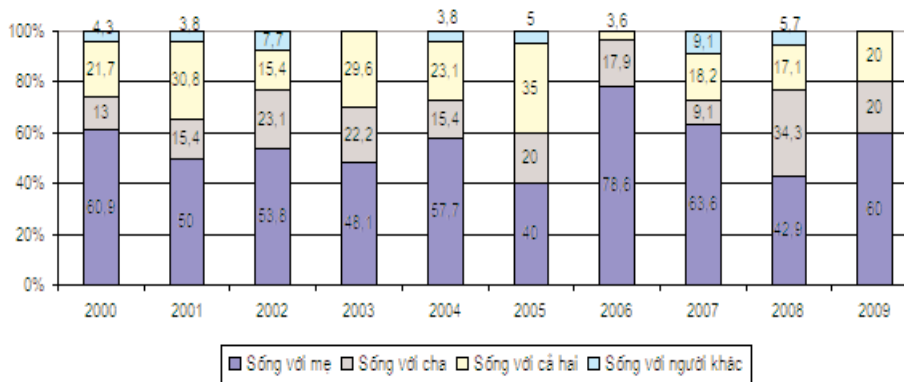
Biểu đồ 1. Phân chia nuôi dạy con cái sau ly hôn theo năm* (N=617)**



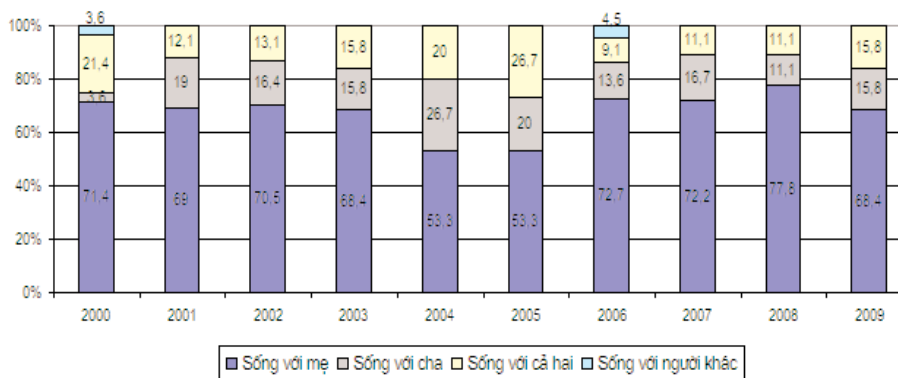
68,4% năm 2000 xuống 45,7% trong năm 2005. Trong cùng thời gian, tỷ lệ trẻ em sống chung với cha là khoảng 20%, và tỷ lệ sống với cả cha và mẹ tăng nhẹ. Từ 2006-2009, tỷ lệ chia sẻ quyền nuôi con tăng từ 6% năm 2006 lên 17,6% trong năm 2009.

Có một khác biệt nhỏ giữa nông thôn và thành thị trong quyền nuôi con. Phụ nữ nông thôn giành quyền nuôi con thấp hơn phụ nữ đô thị, và việc chia sẻ quyền nuôi con cao hơn ở khu vực nông thôn. Phụ nữ ở thành thị có thể có điều kiện kinh tế tốt hơn phụ nữ nông thôn nên họ chủ động hơn trong việc giành quyền nuôi con. Điều này có thể giải thích xu hướng vai trò giới truyền thống trong chăm sóc con cái vẫn khá mạnh mẽ ở Việt Nam. Xu hướng trẻ em sống với cha sau khi ly hôn là thấp hơn nhiều so với các bà mẹ, và thậm chí còn thấp hơn trong nhóm nam giới ly hôn ở đô thị (Biểu đồ 2 và 3).

Biểu đồ 2. Phân chia nuôi dạy con cái của các cặp ly hôn vùng nông thôn theo năm* (N=617)**



Biểu đồ 3. Phân chia nuôi dạy con cái của các cặp ly hôn vùng đô thị theo năm* (N=617)**



Sự khác biệt lớn nhất trong thỏa thuận chăm sóc trẻ giữa nông thôn và thành thị là mô hình của đứa trẻ sống với người khác sau khi cha mẹ ly hôn. Trong hầu hết các năm, tỷ lệ trẻ em sống chung với những người khác ở các khu vực nông thôn cao hơn thành thị. Đây là một dấu hiệu cho thấy các cặp vợ chồng ở nông thôn có thể nhận được hỗ trợ nhiều hơn từ gia đình (bao gồm cả gia đình mở rộng) sau khi ly hôn hơn những cặp ở đô thị. Các mô hình sắp xếp cuộc sống cho thấy mối quan hệ rất chặt chẽ giữa các cặp vợ chồng nông thôn và gia đình mở rộng của họ (Biểu đồ 2 và 3).

Trong đa số các trường hợp ly hôn mà con vẫn còn nhỏ, tòa án cho rằng, ngay cả khi cả hai cha mẹ đều có khả năng chăm sóc trẻ sơ sinh, người mẹ nên được quyền nuôi trẻ nhỏ. Lý do rõ ràng là do thực tế đặc điểm trẻ sơ sinh phụ thuộc vào thể chất và tình cảm của mẹ hơn bất kỳ ai khác. Duy trì tình trạng đó về cơ bản nhằm đảm bảo tính liên tục trong chăm sóc trẻ. Đa số các thẩm phán đồng ý với các chuyên gia về tầm quan trọng của tính liên tục, ổn định và khả năng dự đoán được của các mối quan hệ gắn bó với sự phát triển tình cảm và tâm lý của trẻ (Bordow, 1994). Việt Nam duy trì cách tiếp cận truyền thống trong trao quyền nuôi con và hỗ trợ; tức là đặt trách nhiệm nuôi dạy trẻ cho một người và chỉ cấp quyền thăm hỏi cho người kia. Trong đó, tòa án khuyến khích các phụ huynh không sống cùng được tham gia vào việc nuôi dạy con cái.

Bảng 1 là kết quả mô hình hồi quy đa biến (multinomial) so sánh các yếu tố tác động đến khả năng trẻ sống với mẹ, sống với cha, hoặc sống với cả hai người sau khi cha mẹ ly hôn. Kết quả phân tích từ mô hình cho thấy tuổi của người mẹ lúc ly hôn càng cao, khả năng trẻ được sống với mẹ càng cao.

Bảng 2 trình bày kết quả mô hình hồi quy Logistic xác định mối quan hệ giữa các biến độc lập và sự sắp xếp việc nuôi con theo quyết định của tòa án. Mô hình 1 kiểm tra các yếu tố xã hội tác động đến khả năng trẻ sống với người mẹ sau khi ly hôn. Mô hình 2 kiểm tra cho các câu hỏi tương tự của trường hợp trẻ sống với cha sau khi ly hôn. Mô hình 3 xác định sự khác biệt xã hội giữa các cặp vợ chồng ly hôn trong việc chia sẻ quyền nuôi con sau khi tan vỡ. Các biến số độc lập trong mô hình hồi quy logistic bao gồm khác biệt nông thôn /đô thị, sắp xếp cuộc sống trước khi ly hôn, mức sống, số con, giới tính của con, đoàn hệ, tuổi kết hôn, và các vấn đề hôn nhân như kinh tế khó khăn và bạo lực gia đình.

Mô hình 1 cho thấy, mô hình chung sống trước khi ly hôn, số con, giới tính của con, năm sinh của vợ, tuổi kết hôn của vợ và chồng, và khó khăn kinh tế là những yếu tố có tác động mang ý nghĩa thống kê đến việc trẻ sống với mẹ sau khi ly hôn. Cụ thể, khi các biến số khác giữ nguyên, khả năng người mẹ được trao quyền nuôi con cao hơn khi các cặp vợ chồng sống riêng trước khi ly hôn. Biến số này lại không ảnh hưởng đến khả năng người cha hay cả hai vợ chồng cùng chia sẻ trách nhiệm nuôi con sau ly hôn.

Bảng 1. Mô hình hồi quy đa biến (multinomial) về khả năng phân chia con cái ở cùng ai sau ly hôn

	Con sống với mẹ	Con sống với cha
	Hệ số B (*)	Hệ số B
Tuổi ly hôn của mẹ	.103*	.019
Tuổi ly hôn của cha	-.022	.032
Số con	-3.383***	-3.074***
Đô thị (1=Không)	.158	.589
Sống riêng (1=Không)	-.439	-.115
Mức sống trung bình (1=No)	-.367	-.636
Mức sống khá (1=No)	-.041	-.173
Khó khăn kinh tế	-.556	.285
Hệ số Intercept	5.274***	3.438
Hệ số -2Log Likelihood: 652.814		
Hệ số tương quan Cox&Snell R2: .347		
N	286	75

(*) Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa

Việc trao quyền nuôi con cho người mẹ cũng cao hơn ở các cặp vợ chồng có từ 1-2 con. Với những trường hợp có ít hơn hai con, trẻ em cũng ít khi phải ở luân phiên với cả bố và mẹ hơn những cặp có từ ba con trở lên. Những cặp vợ chồng có cả trai và gái có xu hướng chia sẻ trách nhiệm nuôi dạy con cái cao hơn những cặp vợ chồng chỉ có con trai hoặc chỉ có con gái khoảng 2 lần. Về tuổi của mẹ, những người mẹ có tuổi trẻ hơn thì khả năng nuôi tất cả các con sau ly hôn cao hơn những nhóm cao tuổi hơn (Mô hình 1 và 2).

Trong những trường hợp ly hôn mà tuổi kết hôn của chồng là 23-30 tuổi, người vợ thường có xu hướng nuôi dạy con cái sau ly hôn, hơn những trường hợp mà tuổi kết hôn của chồng trẻ hơn hoặc già hơn khoảng trên. Tuổi kết hôn của người mẹ cũng là một biến số có ý nghĩa thống kê trong việc trẻ ở với mẹ (Mô hình 1) hay với cha (Mô hình 2) sau ly hôn. Người mẹ có khả năng được giao quyền nuôi con cao nhất khi tuổi kết hôn từ 27 trở lên. Cụ thể, với những trường hợp ly hôn do khó khăn về kinh tế, trẻ em thường được phân chia sống với mẹ chứ không sống với cha. Điều này làm gia tăng những khó khăn của phụ nữ và trẻ em sau ly hôn (Bảng 2).

Bảng 2. Mô hình Hồi quy Logistic về con cái sống với ai sau khi ly hôn (N=531)

Biến độc lập	Hệ số B		
	Con sống với mẹ sau ly hôn (Mô hình 1)	Con sống với cha sau ly hôn (Mô hình 2)	Cùng nuôi dạy con (Mô hình 3)
Khác biệt nông thôn/đô thị			
Nông thôn (nhóm so sánh)			
Đô thị	.349	-.362	-.099
Sống riêng trước ly hôn			
Sống với bố mẹ (nhóm so sánh)			
Sống riêng trước ly hôn	.624**	-.104	-.082
Mức sống			
Nghèo (nhóm so sánh)			
Trung bình	-.101	.174	-.474
Khá giả	-.483	-.208	.056
Số con			
3-5 con (nhóm so sánh)			
Không con	-20.703	-18.41	-19.97
1-2 con	1.225**	1.046	-1.261***
Giới tính của con			
Chỉ có con trai (nhóm so sánh)			
Chỉ có con gái	.340	-.130	-.168
Có cả con trai và con gái	-1.352***	-.124	2.001***
Không có con	.082	-.350	-.434
Năm sinh của vợ			
1960 trở về trước (nhóm so sánh)			
1961-1975	1.000**	.583	.707
1976 trở lại đây	.897*	.924	.345
Năm sinh của chồng			
1960 trở về trước (nhóm so sánh)			
1961-1975	-.253	.202	.789
1976 trở lại đây	.719	-.375	.199
Tuổi kết hôn của chồng			
13-22 (nhóm so sánh)			
23-30	1.087**	-.648	-.142
31-61	.710	.081	-.102
Tuổi kết hôn của vợ			
<20 (nhóm so sánh)			
21-26	.480*	-.426	-.093
27-54	1.272**	-1.465**	.091
Khó khăn kinh tế	.942**	-1.186*	-.011
Có bạo lực gia đình	-.127	.001	.134
Hệ số Intercept	-3.007***	-2.356**	-1.775**
Hệ số R Square	.468	.181	.359
N	531	531	531

Có nhiều lý do giải thích xu hướng chiếm ưu thế này. Thông thường, tái hôn là phổ biến hơn ở nam giới. Mức độ tái hôn sau khi ly hôn của phụ nữ nông thôn rất thấp (Trần Thị Minh Thi, 2014). Sau khi ly hôn, con cái có ý nghĩa lớn với phụ nữ ly hôn và họ sẵn sàng hy sinh cho chúng. Một người phụ nữ nông thôn chia sẻ:

Các thẩm phán cho tôi quyết định nuôi con, và tôi quyết định nuôi cả hai vì chồng muốn tái hôn và có thêm nhiều con nữa. Tôi đã dứt khoát không tái hôn, vì vậy tôi sẽ chăm sóc tất cả các con. Tôi không quan tâm đến việc sẽ khó khăn thế nào khi chăm sóc chúng và nuôi dạy chúng nên người (Nữ, sinh 1966, nông dân, Bình Lục, Hà Nam).

Những bằng chứng từ các nghiên cứu cho thấy rằng, ngay cả khi người vợ là người chăm sóc chính, và người chồng phải hỗ trợ tài chính nuôi con, không phải người chồng nào cũng tuân thủ trong thực tế. Nhiều ông chồng không trợ cấp nuôi con như tòa án yêu cầu, đặc biệt là ở các khu vực nông thôn:

Chồng tôi hầu như không đóng góp gì cho nuôi con. Kể từ khi ông không quan tâm, những đứa trẻ dần xa lánh bố. Không có sự thân mật gần gũi giữa người chồng và các con tôi. Kể từ khi ly hôn, con trai thứ hai của tôi không bao giờ đến thăm cha, nơi ông sống với gia đình mới. Thành thạo nói gọi điện hỏi thăm mang tính trách nhiệm. Nó trở lại thăm ông bà ngoại, nhưng không bao giờ đến thăm cha của mình (Nữ, sinh 1966, nông dân, Bình Lục, Hà Nam).

Quy định và hình thức giám sát việc thực hiện quyết định của tòa án về trợ cấp nuôi con và trợ cấp cho vợ/chồng sau ly hôn còn bị bỏ ngỏ. Trên thực tế, việc đóng góp của cha mẹ với con cái sau ly hôn hầu như không đều đặn, thiếu hiệu quả, ít thiết thực, đặt ra một gánh nặng lớn cho người chịu trách nhiệm nuôi dạy con cái, mà ở đây là phụ nữ. Câu hỏi đặt ra là, phụ nữ sau ly hôn đã chịu ảnh hưởng tiêu cực về kinh tế, thu nhập, lại thêm gánh nặng con cái thì khả năng hòa nhập, tham gia hoạt động xã hội của họ là như thế nào? Vai trò của đoàn thể, chính quyền, các tổ chức xã hội, dịch vụ tư vấn tâm lý còn những thiếu hụt gì, nhất là ở nông thôn và miền núi? Trong quyết định ly hôn, tòa án luôn nêu rõ mức đóng góp của người cha với con dưới 18 tuổi, và một số trường hợp là với vợ. Thực tế nghiên cứu, dù chưa đầy đủ, cho thấy việc người cha đóng góp nuôi con hàng tháng là thấp và không đều đặn.

3. Phân chia nhà ở sau ly hôn

Phân chia tài sản sau ly hôn (gồm nhà, đất, tài sản có giá trị, tiền mặt...) theo pháp luật nhìn chung là chia đôi, trong đó có quan tâm đến quyền và lợi ích của phụ nữ. Trong số các cặp vợ chồng ly hôn, có trên một nửa là chưa có nhà đất (55,8%) - với tỷ lệ khá như nhau ở cả nông thôn và thành thị. Với những cặp có nhà đất và phải phân chia sau khi ly hôn, có 19,1%

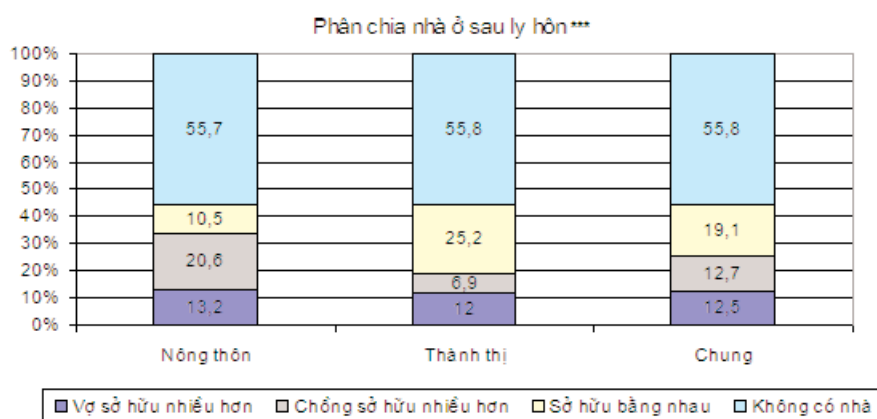
là chia đều cho cả vợ và chồng, và tỷ lệ vợ hoặc chồng được phân chia nhà đất sau khi ly hôn là khá ngang bằng nhau, 12,5% và 12,7%. Những trường hợp không phân chia nhà đất đa số bao gồm những trường hợp ở chung với cha mẹ, thuê nhà ở, ở nhờ... trước khi ly hôn.

Việc phân chia nhà ở khá khác biệt giữa nông thôn và đô thị. Tại các khu vực đô thị, phân chia sở hữu nhà ở bằng nhau giữa vợ và chồng là cao nhất (25,2%), tiếp theo là quyền sở hữu của người vợ (12%), và chỉ có 6,9% chồng có quyền sở hữu độc lập. Tại các khu vực nông thôn, sở hữu bằng nhau chiếm tỷ lệ thấp nhất (10,5%), và chồng sở hữu là cao nhất (20,6%), còn người vợ sở hữu là 13,2%⁽¹⁾. Có thể nói rằng bình đẳng giới trong sắp xếp nhà ở tại các khu vực đô thị tốt hơn so với khu vực nông thôn. Các ông chồng ở các khu vực nông thôn chủ động và chiếm ưu thế hơn trong xác định quyền sở hữu nhà ở sau hôn nhân (Biểu đồ 4).

Mô hình hồi quy logistic ở Bảng 3 phân tích khả năng sở hữu nhà ở nhiều hơn sau khi ly hôn của vợ và chồng. Mô hình 1 tìm hiểu các yếu tố tác động đến việc vợ được sở hữu nhà. Mô hình 2 phân tích các yếu tố tác động đến quyền sở hữu nhà của người chồng. Mô hình 3 tìm hiểu các yếu tố có thể ảnh hưởng đến việc sở hữu nhà bằng nhau sau khi ly hôn.

Có khác biệt thành thị/nông thôn trong phân chia bình đẳng về quyền sở hữu nhà. Kết quả cho thấy, các cặp vợ chồng đô thị có nhiều khả năng để phân chia quyền sở hữu bằng nhau so với các cặp vợ chồng nông thôn. Điểm thú vị là mức sống có tác động lớn đến việc phân chia tài sản nhà ở sau ly hôn, giả định các biến số khác không đổi. Trong mô hình đầu tiên, các cặp vợ chồng khá giả hơn trao quyền sở hữu nhà cho vợ cao hơn hai lần so với các cặp vợ chồng nghèo hơn. Các cơ hội nắm quyền sở hữu nhà của người vợ cũng cao hơn đối với các cặp có mức sống trung bình. Ảnh

Biểu đồ 4. Phân chia nhà ở sau ly hôn (N=545)



Bảng 3. Kết quả phân tích đa biến Logistic về phân chia nhà ở sau ly hôn (N=559)

Biến độc lập	Biến phụ thuộc		
	Tỷ lệ số chênh lệch (Odd Ratios)		
	Vợ sở hữu nhiều hơn	Chồng sở hữu nhiều hơn	Mỗi người một nửa
Khác biệt nông thôn/đô thị			
Nông thôn (nhóm so sánh)			
Đô thị	-.523	-1.524	1.114***
Sống riêng trước ly hôn			
Sống với bố mẹ (nhóm so sánh)			
Sống riêng trước ly hôn	19.206	1.693***	2.996
Mức sống			
Nghèo (nhóm so sánh)			
Trung bình	1.641**	1.759***	3.720***
Khá giả	2.298**	1.800***	3.863***
Số con			
3-5 con (nhóm so sánh)			
Không con	-.443	-2.313**	.428
1-2 con	.171	-.163	.042
Giới tính của con			
Chỉ có con trai (nhóm so sánh)			
Chỉ có con gái	.171	-.761**	.109
Có cả con trai và con gái	-.777**	-.602	.731**
Không có con	.020	2.213**	-1.103
Năm sinh của vợ			
1960 trở về trước (nhóm so sánh)			
1961-1975	-.168	.297	-.419
1976 trở lại đây	-.467	-.901	-.306
Năm sinh của chồng			
1960 trở về trước (nhóm so sánh)			
1961-1975	-.161	.087	.075
1976 trở lại đây	-16.15	-16.93	.796
Hệ số Intercept	-21.538*	-3.435***	-7.963***
Hệ số R Square	.387	.323	.482
N	687	687	687

hưởng của mức sống rất mạnh trong mô hình cuối cùng trong kiểm tra khả năng của cả hai vợ chồng cùng sở hữu nhà sau khi ly hôn. Mô hình này cho thấy, khả năng các cặp vợ chồng khá giả phân chia quyền sở hữu nhà bằng nhau cao hơn khoảng bốn lần so với các cặp vợ chồng nghèo.

Con cái cũng là một biến số có tác động đáng kể đến các quyết định phân chia nhà ở. Các cặp vợ chồng không có con phân chia nhà ở cho người chồng cao hơn gấp hai lần so với các cặp vợ chồng có con cái (không kể giới tính của con). Ảnh hưởng này là dương với cả phân tích tương quan hai chiều, cho thấy nếu người vợ không có con thì gần như không có khả năng được sở hữu nhà ở sau ly hôn. Những cặp vợ chồng có cả con trai và con gái thường phân chia quyền sở hữu nhà ở như nhau, vì hầu hết số họ cũng chia sẻ trách nhiệm nuôi con.

4. Kết luận và thảo luận

Các phân tích trên đây cho thấy, trẻ em sống với mẹ sau khi ly hôn là xu hướng phổ biến hiện nay ở Việt Nam, bất kể các đặc điểm về nơi ở, mức sống, số con, năm ly hôn, tuổi ly hôn, và mô hình chung sống trước khi kết hôn. Có một số khác biệt nhỏ giữa các nhóm xã hội về phân chia con cái sau ly hôn. Cụ thể, việc con ở với mẹ cao hơn hẳn với các cặp ly hôn có 1-2 con, nhất là những cặp vợ chồng có mức sống nghèo hoặc khó khăn về kinh tế. Các nghiên cứu trường hợp cho thấy, trẻ em sống với mẹ thường không nhận được trợ cấp tài chính thường xuyên từ người cha. Mối quan hệ giữa mẹ và con cái sau ly hôn thường vẫn gắn bó, kể cả trong trường hợp trẻ sống với người cha. Ngược lại, mối quan hệ giữa cha và con cái thường là kém hơn vì trẻ thường coi cha là người có lỗi trong tan vỡ gia đình, và người cha thường lập gia đình mới sau khi ly hôn.

Nam giới đã ly hôn ở các khu vực nông thôn có chia sẻ một phần hoặc hoàn toàn quyền nuôi con, trong khi nam giới ở đô thị ít trách nhiệm hơn. Chăm sóc trẻ em, vì thế, trở thành một gánh nặng trên vai của người vợ ly hôn ở đô thị. Người cha trong các gia đình có kinh tế khá giả ở các khu vực đô thị ít khi nuôi con sau ly hôn, với tỷ lệ thấp hơn so với những người chồng ở nông thôn và người vợ ở đô thị. Việc cùng chia sẻ trách nhiệm nuôi con là đặc điểm chung của các cặp vợ chồng ở nông thôn, có kinh tế khá giả, sống riêng và có nhiều hơn 3 con.

Trong quyết định ly hôn, Tòa án luôn nêu rõ mức đóng góp và phụ cấp của người cha với con dưới 18 tuổi, và một số trường hợp là với vợ nhưng thực tế đóng góp nuôi con hàng tháng là thấp, không đều đặn... Đây là những chế tài pháp luật và tuyên truyền nhận thức để việc trợ cấp sau ly hôn được thực hiện hiệu quả và phù hợp với thực tiễn. Từ quan điểm pháp lý, các tiêu chuẩn xác định “lợi ích tốt nhất của trẻ em” là một nguyên tắc luật khá mơ hồ. Lý do là vì nguyên tắc này khá khó xác định và rủi ro do tòa án phải dự đoán những sắp xếp nuôi con và hỗ trợ tốt nhất dựa trên

những thông tin có được từ cuộc ly hôn. Ngay cả khi Tòa án tăng cường việc sử dụng các nguồn lực của mình để đánh giá đầu là sự sắp xếp tốt nhất cho trẻ em, chúng vẫn thuộc bên ngoài những mối quan hệ có liên quan thực sự đến trẻ em. Do thực tế các mối quan hệ được đánh giá bởi các Tòa án tại thời điểm căng thẳng bất thường, độ tin cậy của bất kỳ quyết định nào thường đều không chắc chắn. Tuy nhiên, trong mọi trường hợp, Tòa án phải đi đến một quyết định cuối cùng.

Về phân chia nhà ở, phụ nữ nông thôn, phụ nữ nghèo, phụ nữ không nuôi con sau ly hôn gặp nhiều thiệt thòi hơn về phân chia tài sản. Các cặp vợ chồng cư trú tại khu vực đô thị có nhiều khả năng phân chia nhà đều hơn so với những cặp vợ chồng ở các khu vực nông thôn. Phụ nữ ly hôn khi chưa có con thì hầu như không được phân chia tài sản nhà, đất sau ly hôn, nhất là khi chung sống với gia đình chồng trước khi ly hôn. Tuy vậy, số liệu hiện nay chưa cho biết những khác biệt khác về phân chia tài sản giữa các nhóm học vấn, nghề nghiệp cũng như quá trình chu cấp tài chính cho con cái sau ly hôn của người không nuôi dưỡng. Vì thế, hướng nghiên cứu tiếp theo là tìm hiểu sâu sắc hơn về bối cảnh, quá trình diễn ra phân chia tài sản, vai trò của hệ thống tư vấn pháp lý, tư vấn cũng như việc giám sát thực hiện vai trò nuôi dưỡng và cấp dưỡng sau ly hôn. ■

Chú thích

⁽¹⁾ Tỷ lệ khoảng 56% là không có nhà.

Tài liệu trích dẫn

- Amato, P. R. 2001. "Children and divorce in the 1990s: An update of the Amato and Keith 1991 meta-analysis". *Journal of Family Psychology*, 15, pp.355-370.
- Bordow, Sophie. 1994. "Defended Custody Cases in the Family Court of Australia: Factors Influencing the Outcome". *Australian Journal of Family Law*, pp. 252-263
- Duncan, G. & Hoffman, S. 1985. "A reconsideration of the consequences of marital dissolution". *Demography*, 22, pp. 485-497.
- Fox, G. and Kelly R. F. 1995. "Determinants of Child Custody Arrangements at Divorce". *Journal of Marriage and the Family*, Vol 57, No.3, pp.693-708.
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tổng cục Thống kê, Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, Unicef. 2008. *Kết quả điều tra gia đình Việt Nam*.
- Rosenfield, S. 1989. "The Effects of Women's Employment: Personal Control and Sex Differences in Mental Health". *Journal of Health and Social Behavior*, 25, pp. 14-23.
- Trần Thị Minh Thi. 2014. *Ly hôn ở Việt Nam hiện nay: Phân tích cấu trúc và kinh tế xã hội của ly hôn ở đồng bằng sông Hồng những năm 2000*. Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội. (Divorce in Contemporary Viet Nam: A Socio-economic and structural analysis of divorce in the Red River Delta in 2000s, Social Sciences Publishing House).

Số liệu tòa án của các hồ sơ ly hôn từ 2000-2009 của hai quận, huyện.